TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/**2019/HS-ST
Ngày 05/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Tùng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Hà Quang Thịnh**

+ Bà **Phan Thị Bích**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông **Hoàng Duy Luận** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HS ngày 22/5/2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN Q, sinh ngày 10/6/1990 tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12;
- Họ tên cha: Nguyễn Văn N, sinh năm 1945;
- Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1963;
- Anh chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ hai;
- Vợ: Đặng Thị P, sinh năm 2000 (Chưa đăng ký kết hôn);
- Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019.
- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

+ Bị hại: UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang do ông Vũ Xuân T - Chủ tịch UBND xã làm đại diện theo pháp luật. *Có mặt.*

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1945,

Địa chỉ: Thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1992,

Địa chỉ: Thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông N và anh K đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990, trú tại thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Từ nhiều năm nay Q biết phía sau vườn cam của ông Nguyễn Văn N (bố đẻ của Q), khu vực N thuộc thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang có diện tích rừng khoảng 25.000m^2, Q đã nảy sinh ý định phát lô rừng trên để lấy đất trồng cây Keo. Khoảng đầu tháng 12 năm 2018, Nguyễn Văn Q một mình đi đến khu rừng trên để tiến hành phát rừng, trên đường đi Q gặp một người phụ nữ và một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không rõ họ tên, địa chỉ), Q đã thỏa thuận thuê hai người trên phát rừng cho Q với mức tiền công là 150.000 đồng/người/ngày, cơm nuôi, Q đưa hai người đó đến khu rừng trên để họ tiến hành phát rừng cho Q. Hai người trên phát thuê rừng cho Q được hai ngày thì nghỉ, diện tích rừng còn lại một mình Q phát trong khoảng 10 ngày thì xong.

Đến ngày 14/12/2018 tổ tuần tra, kiểm tra rừng trạm Kiểm lâm Yên Hương phối hợp với UBND xã Y, huyện H phát hiện lập biên bản về vụ việc. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Diện tích rừng do Q chặt phá thuộc các lô 17, lô 18, lô 24 khoảnh 270A, trạng thái RTG *(kiểu rừng gỗ trồng núi đất),* chức năng rừng: Sản xuất do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H quản lý *(theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch phân 3 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 1859/QĐUBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*; diện tích rừng bị hủy hoại là 25.000m^2 *(Hai lăm nghìn mét vuông)*, lâm sản bị thiệt hại bao gồm 17.600 cây Nứa tép và 230 cây Giang

Tại kết luận định giá tài sản số 01 ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hàm Yên kết luận:

- 17.600 cây Nứa tép: Đường kính từ 2,0cm đến 5,0cm có trị giá: 35.200.000 đồng *(Ba mươi năm triệu hai trăm nghìn đồng).*

- 230 cây Giang: Đường kính từ 3,0cm đến 5,0cm có trị giá: 690.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi nghìn đồng).*

Tổng trị giá tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 12 năm 2018 có trị giá là: 35.890.000 đồng *(Ba mươi năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).*

Trước cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSHY ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Nguyễn Văn Q về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Q như toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 08 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật .

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến kiểm sát viên, ý kiến của bị cáo và người tham gia tố tụng khác tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng 12 ngày đầu tháng 12 năm 2018, Nguyễn Văn Q đã có hành vi thuê người và tự mình dùng dao chặt phá diện tích 25.000m^2 *(Hai lăm nghìn mét vuông)* rừng tại khu vực N thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thuộc các lô 17, lô 18, lô 24 khoảnh 270A, trạng thái RTG *(kiểu rừng gỗ trồng núi đất)*, chức năng rừng: Sản xuất, do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý (theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch phân 3 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 1859/QĐUBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang), mục đích lấy đất để trồng cây Keo, lâm sản bị thiệt gồm 17.600 cây Nứa tép; 230 cây Giang có tổng trị giá là: 35.890.000 đồng *(Ba mươi năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)*. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, truy tố bị cáo Q về tội *"Hủy hoại rừng"* theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến việc quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, xâm hại nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ảnh hưởng trật tự xã hội tại địa phương, bị cáo phạm tội

với lỗi cố ý, mục đích để vụ lợi nên cần xử phạt nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và phục vụ cho công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 35.890.000 đồng để khắc phục hậu quả; Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận; Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn N là dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước; Đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra trong diện tích rừng bị cáo đã hủy hoại thì lâm sản mà bị cáo đã chặt phá chủ yếu là cây nứa tép, cây giang còn những cây thân gỗ bị cáo không chặt. Như vậy trong ý thức của bị cáo không cố ý hủy hoại rừng đến cùng.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: 01 (một) con dao tay, lưỡi dao bằng thép dài 29,0 cm, chiều rộng lưỡi dao 4,0 cm, cán dao bằng gỗ dài 15,0 cm *(dao cũ đã qua sử dụng)*; 01 (một) con dao quắm, lưỡi dao bằng thép dài 27,0cm, chiều rộng lưỡi dao 3,5 cm, cán dao bằng gỗ dài 52,0 cm *(dao cũ đã qua sử dụng)*. Hội đồng xét xử xét thấy: 02 con dao trên là công cụ mà bị cáo Q dùng để phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 35.890.000 đồng trong giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Văn Q đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Q nhất trí tự nguyện nộp số tiền trên để khắc phục hậu quả và đại diện bị hại không có ý kiến gì về số tiền trên. HĐXX xét thấy số tiền trên là do bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả nên cần sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[5] Đối với ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn K (em trai Q), cùng trú tại thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang: Khi thấy cơ quan chức năng đến nhà làm việc, ông N lo sợ con trai (Q) sẽ bị bắt tạm giam nên ông N đã khai nhận việc hủy hoại diện tích rừng trên là do ông N tổ chức chặt phá, Q và K là người được ông N nhờ phát hộ. Quá trình điều tra không đủ chứng cứ chứng minh ông N

và anh K có hành vi Hủy hoại rừng nên không có căn cứ để xử lý hình sự trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

- Đối với hai người phát rừng thuê cho Quân trong 02 ngày, ngoài lời khai duy nhất của bị cáo. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Yên đã áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định nhưng không xác định được người cụ thể để xem xét xử lý trong vụ án này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng, hiện đang ở cùng và phụng dưỡng bố đẻ tuổi cao sức yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

+ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội: "Hủy hoại rừng".

+ Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q **02 (Hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **05 (Năm)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/6/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao tay, lưỡi dao bằng thép dài 29,0 cm, chiều rộng lưỡi dao 4,0cm, cán dao bằng gỗ dài 15,0cm, dao cũ đã qua sử dụng và 01 (một) con dao quắm, lưỡi dao bằng thép dài 27,0cm, chiều rộng lưỡi dao 3,5cm, cán dao bằng gỗ dài 52,0cm, dao cũ đã qua sử dụng. *(Công an huyện Hàm Yên đã giao cho Chi cục thi hành án dân sự Hàm Yên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 4 năm 2019).*

- Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 35.890.000 đồng *(Ba mươi năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)* do bị cáo Nguyễn Văn Q tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả. *(Số tiền trên Công an huyện Hàm Yên đã giao cho Chi*

cục thi hành án dân sự Hàm Yên, thể hiện tại giấy uỷ nhiệm chi ngày 22 tháng 4 năm 2019).

2. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng ười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Công an huyện Hàm Yên;
- Chi cục THA DS huyện Hàm Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng